TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- hạnh phúc

Bản án số: **07**/2024/LĐ-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2024
Tranh chấp về tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Phạm Minh Thông
- *Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Xuân Tùng
2. Ông Huỳnh Thanh Trà
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà Trương Thị Thùy Dương, Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 08/2024/TLST-LĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về *"Tranh chấp về tiền lương"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-LĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-LĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Xuân N**, sinh năm 1987. Nơi ĐKHKTT: Khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Tạm trú tại: Số A N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị đơn*: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn G**. Địa chỉ: Số B N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Anh T. Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Xuân N trình bày như sau:*

Vào ngày 12 tháng 9 năm 2023, ông Trần Xuân N có ký kết Hợp đồng thử việc số 84/2023/HĐTV-GL với Công ty TNHH G. Theo hợp đồng, thời gian thử việc là 02 tháng từ ngày 12/9/2023 đến ngày 12/11/2023 với tổng mức thu nhập là 15.000.000 đồng/tháng. Trong thời gian thử việc tại Công ty, ông N luôn hoàn thành tốt các đầu mục công việc thỏa thuận tại Hợp đồng. Về phía Công ty TNHH G, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty G đã thanh toán tiền lương cho ông N 17 ngày công (từ ngày 12/9/2023 đến ngày 30/9/2023). Tuy nhiên, vì nhiều lý do nên đến ngày 25/10/2023, giữa ông N và Công ty TNHH G thỏa thuận chấp dứt Hợp đồng thử việc trước thời hạn và tiến hành lập Biên bản bàn giao công việc nhưng Công ty

TNHH G chưa thanh toán số tiền lương tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 25/10/2023 (21 ngày công) tương đương số tiền 12.115.000 đồng cho ông N.

Sau nhiều lần gặp trực tiếp tại văn phòng, nhiều lần hứa hẹn nhưng đến nay Công ty TNHH G vẫn không thanh toán lương cho ông Trần Xuân N như thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký.

Do vậy, ông Trần Xuân N khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH G phải thanh toán cho ông N tiền lương theo ngày công lao động thực tế từ ngày 01/10/2023 đến ngày 25/10/2023 (21 ngày công) với số tiền là 12.115.000 đồng (Mười hai triệu một trăm mười lăm nghìn đồng)

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Công ty TNHH G đã được cấp, tống đạt Thông báo V/v thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty TNHH G đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân N. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải những vấn đề có tranh chấp trong vụ án được.

Tại phiên tòa, ông Trần Xuân N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn – Công ty TNHH G vắng mặt lần thứ hai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân N, buộc Công ty TNHH G phải thanh toán tiền lương từ ngày 01/10/2023 đến ngày 25/10/2023 (21 ngày công) theo mức lương thỏa thỏa thuận tại Hợp đồng thử việc số 84/2023/HĐTV-GL ngày 12/9/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Người lao động là ông Trần Xuân N khởi kiện người sử dụng lao động là Công ty TNHH G yêu cầu trả tiền lương. Xét thấy đây là tranh chấp về quyền lợi khi chấm dứt hợp đồng lao động, các bên đã tiến hành hòa giải cơ sở, vụ án còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu nơi bị đơn có trụ sở nên Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 190 của Bộ luật lao động năm 2019.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt và không có lý do về sự vắng mặt. Tại phiên tòa, bà Trần Thị Kiều C – Nhân viên Công ty TNHH G xuất trình Giấy ủy quyền do ông Nguyễn Đức Anh T – Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH G ký. Xét thấy, Giấy ủy quyền của ông Nguyễn Đức Anh T không đảm bảo về hình thức (không đề ngày, tháng, năm của văn bản; không ghi đầy đủ thông tin của người ủy quyền và người được ủy quyền), nội dung ủy quyền không rõ ràng (không ghi rõ nội dung, phạm vi và thời hạn ủy quyền). Do vậy, Hội đồng xét xử không được Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân N thì thấy, ông Trần Xuân N và Công ty TNHH G có thỏa thuận ký Hợp đồng thử việc số 84/2023/HĐTV-GL ngày 12/9/2023 thời hạn thử việc là 02 tháng, từ ngày 12/9/2023 đến ngày 12/11/2023. Hợp đồng này được ký kết dựa trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 21 và Điều 24 Bộ luật Lao động năm 2019. Theo đó, ông N làm việc tại Văn phòng công ty và các công trình, dự án Công ty đang thực hiện; Bộ phận công tác: Phòng Kinh doanh; chức danh chuyên môn: Trưởng Phòng Kinh doanh với mức lương thử việc là 15.000.000 đồng/tháng; phương thức trả lương chuyển khoản hoặc tiền mặt; thời hạn trả lương: vào ngày 10 của tháng kế tiếp. Ngoài ra, trong hợp đồng còn có các điều khoản và các thỏa thuận khác. Thực hiện theo hợp đồng, ông Trần Xuân N đã làm việc tại Công ty với tổng số ngày công lao động thực tế từ ngày 13/9/2023 đến ngày 25/10/2023 theo chức danh, nhiệm vụ quy định tại hợp đồng, không có vi phạm gì. Công ty TNHH G đã thanh toán tiền lương từ ngày 12/9/2023 đến ngày 30/9/2023. Đến ngày 25/10/2023, ông Trần Xuân N và Công ty TNHH G thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng thử việc trước thời hạn và tiến hành lập Biên bản bàn giao công việc phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 34 Bộ luật Lao động năm 2019. Tuy nhiên, tính từ thời điểm chấm dứt Hợp đồng thử việc với ông N từ ngày 25/10/2023 đến nay đã quá thời hạn theo quy định nhưng Công ty TNHH G vẫn chưa thanh toán tiền lương theo ngày công thực tế từ ngày 01/10/2023 đến ngày 25/10/2023 (21 ngày công, 15.000.000đ/26 ngày = 576.923đ/ngày công) tương đương số tiền 12.115.000 đồng. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Công ty TNHH G không đến Tòa án để tham gia tố tụng và trình bày ý kiến của mình, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc ông Trần Xuân N vi phạm Hợp đồng thử việc đã ký kết. Do đó, có cơ sở xác định Công ty TNHH G đã vi phạm quy định tại Điều 48 Bộ luật Lao động 2019.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 48 Bộ luật Lao động Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi nợ lương của ông Trần Xuân N, buộc Công ty TNHH G phải thanh toán tiền nợ lương 21 ngày công thực tế từ ngày 01/10/2023 đến ngày 25/10/2023 (21 ngày công) với số tiền là 12.115.000 đồng. Ông Trần Xuân N không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì thấy, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 3 Điều 34, Điều 48, Điều 190 của Bộ luật lao động năm 2019

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân N đối với Công ty TNHH G.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH G phải thanh toán tiền lương 21 ngày công thực tế, số tiền là 12.115.000 đồng cho ông Trần Xuân N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH G phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 363.450 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Q. Hải Châu;*
- *Chi cục THADS Q. Hải Châu;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Thông